

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 07/8/2017
(V/v Ly hôn, nuôi con, chia tài sản, nợ chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**
- **Thẩm phán chủ tọa phiên toà:** Ông: Đặng Minh Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông: Nguyễn Việt Thắng
 2. Ông: Huỳnh Minh Giới
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Bùi Thị Huệ - Cán bộ Toà án
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời:** Ông Dương Việt Khải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 07/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2016/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số 250/201750/QĐST-HN ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung” giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1980 (có mặt)
Trú tại: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.
2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1975 (có mặt)
Trú tại: Ấp T, xã , huyện T, tỉnh Cà Mau.
3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Nông nghiệp - phát triển nông thôn Việt Nam
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam huyện T (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Hồng N trình bày:
Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Việt T sống chung từ năm 1998, hôn nhân do bà tự nguyện lựa chọn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T,

tỉnh Cà Mau vào ngày 05 tháng 9 năm 2002. Bà và ông Thống ly thân từ tháng 03 năm 2016 đến nay.

Lý do bà yêu cầu ly hôn: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong công việc kinh doanh. Nay, bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Việt T.

Về con chung: Vợ chồng có 3 người con: Nguyễn Thịnh P (chết năm 2006); Nguyễn Trúc L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2004; Nguyễn Duy K, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2006. Bà yêu cầu nuôi hai người con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi một người con là Nguyễn Duy K.

Về phần tài sản: Ông T và bà có tài sản chung là phần đất có diện tích 17.949 m² (đo đạc thực tế là 17.873,1 m²), tọa lạc tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do hộ ông Nguyễn Việt T đứng tên quyền sử dụng đất. Nay, bà yêu cầu chia cho bà ½ diện tích đất trên.

Về nợ chung: Bà và ông T nợ Ngân hàng Nông nghiệp - phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện Trần Văn Thời) số tiền vốn 40.000.000 đồng. Nay, bà đồng ý mỗi người trả ½ số tiền vốn và lãi theo hợp đồng.

Ông Nguyễn Việt T trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà Ngân về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân. Hôn nhân do ông tự nguyện lựa chọn. Nay Ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về con. Ông yêu cầu nuôi hai người con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà N có tài sản chung là phần đất có diện tích 17.949 m² (đo đạc thực tế là 17.873,1 m²), tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Việt T đứng tên quyền sử dụng đất. Nay, bà N yêu cầu ông chia cho bà N ½ diện tích đất trên, ông không đồng ý. Vì khi đi khỏi nhà, bà N có đem theo một số vàng. Tại phiên tòa, ông T đồng ý chia theo quy định của pháp luật cho bà N phần đất có diện tích đất 17.873,1 m².

Về nợ chung: Ông và bà Ngân có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện T) số tiền vốn 40.000.000 đồng và lãi. Ông không đồng ý mỗi người trả ½ số tiền vốn và lãi theo hợp đồng. Vì toàn bộ tài sản, khi đi bà N mang theo.

Ông Nguyễn Văn T, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ông Nguyễn Việt T và bà Phạm Hồng N có vay Ngân hàng số tiền 40.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LAV201200532; LAV201200533, ký ngày 23 tháng 02 năm 2012. Đến nay, ông Thống, bà Ngân thiếu Ngân hàng số tiền vốn là 40.000.000 đồng; lãi đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 là 54.496.000 đồng. Để đảm bảo số tiền vay trên, ông T, bà N có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 309513 và AN 309514; sổ vào sổ H00298 và H00299 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp ngày 09 tháng 4 năm 2008, diện tích 17.949 m², tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cho hộ ông Nguyễn Việt T. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi đến ngày 04 tháng 8 năm

2017 số tiền 94.496.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số LA201200532 và LA201200533 ngày 23 tháng 02 năm 2012 cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Việt T và bà Phạm Hồng N sống chung với nhau từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 05 tháng 9 năm 2002 nên được công nhận là vợ chồng. Bà N yêu cầu ly hôn với lý do: Ông T và bà có nhiều bất đồng trong cuộc sống và trong vấn đề kinh doanh. Ông T cũng thống nhất ly hôn bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà N đã phát sinh mâu thuẫn nhưng các bên không có biện pháp nào hàn gắn quan hệ hôn nhân, cũng không có thiện chí và ý định hàn gắn mối quan hệ vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho bà Phạm Hồng N ly hôn ông Nguyễn Việt T.

[3] Về con chung: Bà N và ông T hiện nay còn hai người con chung là: Nguyễn Trúc L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2004; Nguyễn Duy K, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2006. Bà N và ông T đều yêu cầu nuôi 02 người con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hai cháu Nguyễn Trúc L và Nguyễn Duy K đều dưới 18 tuổi và trên 07 tuổi nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình phải xem xét các cháu L và K có nguyện vọng được ai nuôi. Hai cháu L và K đều có nguyện vọng được mẹ là Phạm Hồng N nuôi nên Hội đồng xét xử giao hai cháu L và K cho bà N nuôi là phù hợp. Hai cháu L và K đang do bà N nuôi dạy nên tiếp tục giao cho bà N nuôi dạy. Bà N chỉ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu K 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Yêu cầu của bà N là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà N đều thừa nhận: Ông, bà có tài sản chung là phần đất thuộc các thửa số 198, 206 tờ bản đồ số 14 đã được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp cho hộ ông Nguyễn Việt T tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 309513 và AN 309514, diện tích theo đo đạc thực tế là 17.873,1 m², tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Bà N yêu cầu chia ½ diện tích đất trên. Tại phiên tòa, ông T đồng ý chia toàn bộ phần đất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

vào năm 2008 đứng tên hộ ông Nguyễn Việt T; ông T, bà N thừa nhận trong phần đất trên có 04 công đất tầm 03m là được cha ông T cho, còn lại là vợ chồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ người khác. Như vậy, phần đất trên đã được ông T, bà N thừa nhận là tài sản chung nên đã đăng ký giấy chứng nhận là tài sản của hộ gia đình. Vào thời gian được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ gia đình của ông T chỉ có ông T, bà N chưa có các con trong sổ hộ khẩu; các con của bà N, ông T còn nhỏ không có công sức đóng góp để tạo ra tài sản nên quyền sử dụng phần đất được xác định của bà N và ông T. Tuy nhiên, bà N và ông T thừa nhận, trong phần đất trên có 04 công (diện tích 5.184 m²) là của cha ông T cho nên Hội đồng xét xử xem xét chia cho ông T nhiều hơn bà N.

[5] Về nợ chung: Vào ngày 23 tháng 02 năm 2012, bà Phạm Hồng N có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phòng giao dịch Sông Đốc số tiền vốn là 40.000.000 đồng, lãi đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 là 54.496.000 đồng. Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; ông T, bà N đều thừa nhận vay tiền về để mua máy cày phục vụ hoạt động chung của gia đình. Do đó, tổng số tiền nợ Ngân hàng đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 số tiền 94.496.000 đồng là nợ chung của vợ chồng nên ông T, bà N phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên và phải trả lãi từ ngày 05 tháng 8 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng.

[6] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có ông T và bà N cùng ký tên và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai là có giá trị pháp lý nên duy trì tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ của Ngân hàng.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu 200.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình; án phí dân sự đối với giá trị tài sản được chia và án phí ½ khoản nợ Ngân hàng. Ông T phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; án phí dân sự đối với giá trị tài sản được chia và án phí ½ khoản nợ Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: + Các Điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các Điều 19, 27, 33, 51, 56, 60, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

+ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Hồng N ly hôn ông Nguyễn Việt T.

2/ Về con chung: Giao các cháu: Nguyễn Trúc L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2004; Nguyễn Duy K, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2006 cho bà Phạm Hồng N nuôi (Bà N đang nuôi hai cháu L và K). Ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Duy K 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07 tháng 8 năm 2017. Ông Nguyễn Việt T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng; ông T phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về tài sản chung:

Bà Phạm Hồng N được chia phần đất có diện tích 8.384,6 m²

có vị trí tứ cận:

- Phía đông giáp lộ bê tông, cạnh dài 14 m
- Phía tây giáp kinh thoát nước, cạnh dài 14 m
- Phía nam giáp đất ông Nguyễn Thanh N, cạnh dài 598,90 m
- Phía bắc giáp đất ông Nguyễn Việt T được chia, cạnh dài 598,90 m.

Ông Nguyễn Việt T được chia phần đất có diện tích 9.488,5 m²

có vị trí tứ cận:

- Phía đông giáp lộ bê tông, cạnh dài 13,10 m
- Phía tây giáp kinh thoát nước, cạnh dài 16,50 m
- Phía nam giáp đất bà Phạm Hồng N được chia, cạnh dài 598,90 m
- Phía bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thành C, cạnh dài 602,35 m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

4/ Về nợ chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Việt T và bà Phạm Hồng N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vốn và lãi đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 là 94.496.000 đồng (Ông T có trách nhiệm thanh toán 47.248.000 đồng; bà N có trách nhiệm thanh toán 47.248.000 đồng). Ngoài ra, ông T, bà N còn phải trả lãi từ ngày 05 tháng 8 năm 2017 theo các hợp đồng tín dụng số LAV201200532 và LAV201200533, ký ngày 23 tháng 02 năm 2012 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam .

Duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Việt T theo Hợp đồng thế chấp số TA309514/HĐTC ngày 22 tháng 01 năm 2010 để đảm bảo thu hồi nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 309513 và AN 309514 cho ông T, bà N, khi ông T, bà N trả xong nợ Ngân hàng.

5/ Về án phí: Bà Phạm Hồng N phải chịu 200.000 đồng án phí Hôn nhân, 11.869.500 đồng án phí chia tài sản chung, 2.362.400 đồng án phí nợ vay; bà N có nộp tạm ứng 4.600.000 đồng tại biên lai thu số 0006114, ngày 08 tháng 8 năm 2016, được chuyển thu đổi trừ; còn phải nộp tiếp số tiền 9.831.900 đồng. Ông Nguyễn Việt T phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, 13.432.200 đồng án phí chia tài sản chung, 2.362.400 đồng án phí nợ vay.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện T) có nộp tạm ứng số tiền 2.327.000 đồng tại biên lai số 0007092 ngày 20 tháng 6 năm 2017, được hoàn lại.

Ông T, bà N, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

+Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Cà Mau.
- VKS ND huyện TVT
- Dương sự
- Lưu hồ sơ.

Đặng Minh Trung